

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2024/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 ngày 5 năm 2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16

tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính; số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định: số 78/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua bảng giá đất điều chỉnh và hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 131/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 60/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số phụ lục ban hành kèm theo các Nghị quyết thông qua Bảng giá đất điều chỉnh và hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 275/TTr-STC ngày 26 tháng 7 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1233/BC-STP ngày 26 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển thông tin sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp của tổ chức, cá nhân theo quy định của Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc về giá đất (sau khi áp dụng hệ số) để xác định nghĩa vụ tài chính, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2024.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP6.

A

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

Phụ lục

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI PHỤ LỤC HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH
GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH BAN HÀNH KÈM
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/2023/QĐ-UBND NGÀY 19/12/2023
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

I. HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT Ở

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục A phần 2 huyện Mỹ Lộc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Mỹ Thành		
	Đường trục xã		
1.1	Xóm 3 đi cầu Nhất	Đoạn từ Đền Trần Quang Khải đến hết nhà Bà Gương (Thôn Cao Đài 1)	1,0
1.2		Đoạn từ nhà Bà Gương (Thôn Cao Đài 1) đến Cầu Nhất	1,0

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục A phần 3 huyện Vụ Bản

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Thành Lợi		
	Tuyến trục xã		
1.1	Từ Chùa Gạo đến hết Đám Hát	Từ Chùa Gạo đến giáp xã Liên Minh	1,0
1.2	Đoạn từ Đám Hát đến cầu An Nhân		
2	Xã Cộng Hòa		
	Tuyến đường trục xã		
	Từ TL 486B đến cầu Châu Bạc (giáp Trung Thành)	Từ TL 486B đến giáp Trung Thành	1,0
3	Xã Tân Khánh		
	Tuyến đường huyện Cầu Họ - Hạnh Lâm	Đường Hiền Khánh – Tân Khánh	
	Từ ngã tư B16 (Phú Thôn) đến Cống luồn Hạ Xá (Đi TL486B)	Đường Hiền Khánh – Tân Khánh	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
4	Xã Hiền Khánh		
	Tuyến Tỉnh lộ 486B đi Quốc lộ 21		
4.1	Từ đường Nam thôn Đào đến đường QL 21	Từ đường Nam thôn Đào đến giáp xã Mỹ Thuận	1,2
4.2	Đường trục xã	Đường Hiền Khánh – Tân Khánh	
	Từ ngã ba tỉnh lộ 486B đi Tân Khánh	Đường Hiền Khánh – Tân Khánh	1,4

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào phần A mục 4 huyện Ý Yên:

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Yên Hưng		
	Đường trục xã		
1.1	Đoạn từ đường WB2 Đa Bụt đến hết xóm 1	Đoạn từ WB2 Đa Bụt đến ngã tư ông Hiếu	1,0
1.2	Đoạn từ ông Mạnh xóm 4 đến đê Đại Hà	Đoạn từ Nhà văn hóa Thôn 4 đến đê Đại Hà	1,0
1.3	Đoạn từ ông Mạnh xóm 4 đến ngã tư Hội Đồng	Đoạn từ Đền Thượng đến Đền Hạ (Hoàng Đan)	1,0
2	Xã Yên Trị		
	Tuyến đê Đại Hà		
2.1	Đoạn từ giáp đất Yên Đồng đến hết thôn Vĩnh Trị	Đoạn từ giáp đất Yên Đồng đến hết đất nhà ông Vinh	1,0
2.2	Đoạn từ thôn Vĩnh Trị đến hết Công ty Vĩnh Tiến	Đoạn từ đất nhà ông Vinh đến hết Công ty Vĩnh Tiến	1,0
3	Xã Yên Đồng		
	Các khu vực dân cư		
	Khu vực 1: Thôn Tiến Thắng, thôn Khang Giang, xóm 17 (Thôn An Trung)	Khu vực 1: Thôn Tiến Thắng, thôn Khang Giang, khu Càn Điền xóm 17 (Thôn An Trung)	1,0

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục A phần 6 huyện Nghĩa Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Nghĩa Trung		
	Đường sông Thống nhất		
	Từ nhà ông Chiến đến giáp bệnh viện I Nghĩa Hưng	Từ nhà ông Chiến đến hết bệnh viện I Nghĩa Hưng	1,0
2	Xã Nghĩa Thái		
	Đường Thái - Thịnh		
	Đoạn từ cầu UBND Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm xóm 4	Đoạn từ cầu UBND xã Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm xóm 3	1,0
3	Thị trấn Liễu Đề		
	Khu nội thị TDP 2, TDP 3		
	Đường 9m	Đường 9m	1,0

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục A phần 7 huyện Trực Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Thị trấn Cát Thành		
	Vùng dân cư		
	Vùng dân cư còn lại trong 15 tổ dân phố	Vùng dân cư còn lại trong 14 tổ dân phố	1,0
2	Xã Liêm Hải		
	Quốc lộ 21		
	Từ bưu cục Ngặt kéo đến đường vào thôn Thần Lộ - đường vào trạm y tế (dốc ông Hồi)	Đoạn từ Bưu cục Ngặt kéo đến đường vào xóm 1 - đường vào trạm y tế (dốc ông Hồi)	1,0
3	Xã Phương Định		
	Vùng dân cư		
3.1	Khu vực 1: Thôn Phú Trung, Tiên Bình, Sông Lạc Thịnh	Khu vực 1: Thôn Cỏ Chát, Nhựt Nương, Cự Trữ, Phú Trung, Tiên Bình, Văn Cảnh, Sông Lạc Thịnh	1,0
3.2	Khu vực 2: Thôn Sông Lạc Thịnh, Lộ Xuyên 1, An Phương	Khu vực 2: Thôn Lộ Xuyên 1, An Trong, An Phương	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
4	Xã Trục Khang		
	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	Các đường trục xã, liên xã	
	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	1,0
5	Xã Trục Thắng		
	Quốc lộ 21B		
5.1	Đoạn từ giáp xã Trục Đại đến công số 10	Đoạn từ giáp xã Trục Đại đến công thôn Vạn Thắng	1,0
	Đường Vạn Phú		
5.2	Đoạn trung tâm từ nhà ông Thiêm xóm 3 đến nhà ông Ty xóm 3	Đoạn trung tâm từ nhà ông Thiêm thôn Phúc Thắng đến nhà ông Ty thôn Phúc Thắng	1,0

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục A phần 10 huyện Giao Thủy

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Hồng Thuận		
	Đường liên xóm		
	Đoạn từ nhà ông Kiên (bà Thúy) đến nhà ông Hải xóm 6	Đoạn từ nhà ông Kiên (bà Thúy) đến nhà ông Tùng xóm 4	1,0

II. HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 2 huyện Mỹ Lộc

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Mỹ Thành		
	Đường trục xã		
1.1	Xóm 3 đi cầu Nhát	Đoạn từ Đền Trần Quang Khải đến hết nhà Bà Gương (Thôn Cao Đài 1)	1,0

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1.2		Đoạn từ nhà Bà Gương (<i>Thôn Cao Đài 1</i>) đến Cầu Nhất	1,0

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 3 huyện Vụ Bản

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Thành Lợi		
	Tuyến trục xã		
1.1	Từ Chùa Gạo đến hết Đám Hát	Từ Chùa Gạo đến giáp xã Liên Minh	1,0
1.2	Đoạn từ Đám Hát đến cầu An Nhân		
2	Xã Cộng Hòa		
	Tuyến đường trục xã		
	Từ TL 486B đến cầu Châu Bạc (giáp Trung Thành)	Từ TL 486B đến giáp Trung Thành	1,0
3	Xã Tân Khánh		
	Tuyến đường huyện Cầu Họ - Hạnh Lâm	Đường Hiến Khánh – Tân Khánh	
	Từ ngã tư B16 (Phú Thôn) đến Cống luồn Hạ Xá (Đi TL486B)	Đường Hiến Khánh – Tân Khánh	1,0
4	Xã Hiến Khánh		
	Tuyến Tỉnh lộ 486B đi Quốc lộ 21		
4.1	Từ đường Nam thôn Đào đến đường QL 21	Từ đường Nam thôn Đào đến giáp xã Mỹ Thuận	1,0
	Đường trục xã		
4.2	Từ ngã ba tỉnh lộ 486B đi Tân Khánh	Đường Hiến Khánh – Tân Khánh	1,0

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 4 huyện Ý Yên

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Yên Hưng		
	Đường trục xã		
1.1	Đoạn từ WB2 Đa Bụt đến hết xóm 1	Đoạn từ WB2 Đa Bụt đến ngã tư ông Hiếu	1,0
1.2	Đoạn từ ông Mạnh xóm 4 đến đê Đại Hà	Đoạn từ Nhà văn hóa Thôn 4 đến đê Đại Hà	1,0
1.3	Đoạn từ ông Mạnh xóm 4 đến ngã tư Hội Đồng	Đoạn từ Đền Thượng đến Đền Hạ (Hoàng Đan)	1,0
2	Xã Yên Trị		
	Tuyến đê Đại Hà		
2.1	Đoạn từ giáp đất Yên Đồng đến hết thôn Vĩnh Trị	Đoạn từ giáp đất Yên Đồng đến hết đất nhà ông Vinh	1,0
2.2	Đoạn từ thôn Vĩnh Trị đến hết Công ty Vĩnh Tiến	Đoạn từ đất nhà ông Vinh đến hết Công ty Vĩnh Tiến	1,0

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 6 huyện Nghĩa Hưng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Nghĩa Trung		
	Đường sông Thống nhất		
	Từ nhà ông Chiến đến giáp bệnh viện I Nghĩa Hưng	Từ nhà ông Chiến đến hết bệnh viện I Nghĩa Hưng	1,0
2	Xã Nghĩa Thái		
	Đường Thái – Thịnh		
	Đoạn từ cầu UBND Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm xóm 4	Đoạn từ cầu UBND xã Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm xóm 3	1,0

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 7 huyện Trục Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Liêm Hải		
	Quốc lộ 21		
	Từ bưu cục Ngặt kéo đến đường vào thôn Thần Lộ - đường vào trạm y tế (dốc ông Hồi)	Đoạn từ Bưu cục Ngặt kéo đến đường vào xóm 1- đường vào trạm y tế (dốc ông Hồi)	1,0
2	Xã Trục Khang		
	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	Đường trục xã, liên xã	
	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	Đường Nam sông Thống Nhất (Đường nam tỉnh lộ 488B)	1,0
3	Xã Trục Thắng		
	Quốc lộ 21B		
3.1	Đoạn từ giáp xã Trục Đại đến công số 10	Đoạn từ giáp xã Trục Đại đến công thôn Vạn Thắng	1,0
	Đường Vạn Phú		
3.2	Đoạn trung tâm từ nhà ông Thiêm xóm 3 đến nhà ông Ty xóm 3	Đoạn trung tâm từ nhà ông Thiêm thôn Phúc Thắng đến nhà ông Ty thôn Phúc Thắng	1,0

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung vào mục B và mục C phần 10 huyện Giao Thủy

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND	Tên đường, đoạn đường, khu vực sau điều chỉnh	Hệ số điều chỉnh
1	Xã Hồng Thuận		
	Đường liên xóm		
	Đoạn từ nhà ông Kiên (bà Thúy) đến nhà ông Hải xóm 6	Đoạn từ nhà ông Kiên (bà Thúy) đến nhà ông Tùng xóm 4	1,0